TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn La
2. Ông Trần Thành Đô

- *Thư ký phiên toà:* Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn R, xã ĐM, huyện LG, tỉnh BG.

***Bị đơn:** Anh Trần Văn D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn V, xã TL, huyện LG, tỉnh BG.

(Chị L, anh D vắng mặt – Đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L tại đơn khởi kiện ghi ngày 20/4/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo trình bày:* Chị và anh Trần Văn D đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện LG, tỉnh BG vào ngày 06/5/2015. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh D làm dâu ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2018 vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn kinh tế, khi chị đóng góp ý kiến thì anh D không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát. Bản thân vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Kể từ tháng 4 năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng

nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn R, xã ĐM, huyện LG sinh sống cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Văn T, sinh ngày 15/12/2015, hiện nay cháu T đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con và chị yêu cầu anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bản thân chị hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH SamSung Electronics có địa chỉ tại khu công nghiệp Yên Phong I, Yên Trung, Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc việc nên chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử của Tòa án.

** Bị đơn anh Trần Văn D trình bày tại bản tự khai nộp cho Tòa án vào ngày 07/6/2020 như sau*: Anh xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn,tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như chị L trình bày là đúng. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Trần Văn T, sinh ngày 15/12/2015, hiện nay cháu T đang ở cùng với chị L. Khi ly hôn chị L muốn nuôi cháu T thì anh đồng ý tuy nhiên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T như yêu cầu của chị L, nếu chị L không nuôi cháu T thì anh đề nghị Tòa án giao cho anh được nuôi cháu T và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm hàn xì tại nhà, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương ngày 31/7/2020 cho biết: Quá trình chung sống tại địa phương, anh D và chị L có xảy ra xích mích cãi vã nhau nhưng nguyên nhân vì sao địa phương không nắm được. Giữa anh D và chị L có 01 con chung là cháu Trần Văn T. Hiện nay chị L và con trai đã về nhà ngoại ở xã ĐM sinh sống. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về con chung tại Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được do anh D vắng mặt và có đơn xin vắng mặt trong buổi hòa giải.

* Tại phiên tòa:

Chị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và chị xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, anh giữ nguyên ý kiến của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tại phiên toà đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, nên HĐXX xét xử là đúng. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ vợ chồng xử cho chị L được ly hôn anh D; Về con chung: Giao cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Văn T, sinh ngày 15/12/2015. Buộc anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu T theo mức 1.000.000 đồng/01 tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Ngoài ra kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L cùng các tài liệu nộp theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức, nội dung đơn khởi kiện. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình cụ thể là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Văn D hiện đang cư trú tại Thôn V, xã TL, huyện LG, tỉnh BG nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện LG.

[2].Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LG đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm túc, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện LG ngày 06/5/2015, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Cả chị L và anh D đều xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn bất đồng về quan điểm sống, Tòa án đã tiến hành hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án song chị L và anh D đều có quan điểm yêu cầu giải quyết ly hôn. Hiện nay chị L và anh D sống ly thân, không còn quan T đến nhau. HĐXX thấy, tình trạng mâu thuẫn của chị L, anh D đã kéo dài, hai bên không mong muốn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D ly hôn.

[4].Về con chung: Chị L và anh D trong quá trình chung sống có một con chung là Trần Văn T, sinh ngày 15/12/2015, hiện nay cháu T đang ở cùng chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung, anh D đồng ý để chị L nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Chị L, anh D đều có điều kiện về kinh tế đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Theo tài liệu có trong hồ sơ, chị L hiện đang làm công nhân tại Công ty TNHH SamSung Electronics có địa chỉ tại khu công nghiệp Yên Phong I, Yên Trung, Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng còn anh D đang làm hàn xì tại nhà thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng, anh chị ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của mình. Theo quy định pháp luật, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và các điều kiện cho sự phát triển tốt về thể chất tinh thần. Hiện nay cháu Trần Văn T còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của mẹ, theo biên bản xác minh ngày 31/7/2020, cháu T đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh xáo trộn, đảm bảo quyền lợi của con chung, giao cháu Trần Văn T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có yêu cầu xem xét việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên cần buộc anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi Tòa án giải quyết ly hôn cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp.

Sau khi ly hôn, anh D có quyền thăm nom con chung và không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn D ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 15/12/2015 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi chị L và anh D có yêu cầu khác.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002233 ngày 27/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Xác nhận chị L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện BG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thiêm